



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

HO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 201

CÔNG TY CỔ PHẦN VINA VCC

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	6 - 7
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	8 - 11
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	12
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	13 - 14
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	15 - 48



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vinaico (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Vinaico tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Nam Việt hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103008626 ngày 06 tháng 4 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 11 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp về việc thay đổi tên, địa chỉ và vốn điều lệ.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 04.37.573.879
- Fax : 04.37.573.880

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11 ngày 24 tháng 9 năm 2013 là:

- Lập trình máy tính;
- Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán mô tô, xe máy;
- Vệ sinh chung nhà cửa;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Phá dỡ;
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Sửa chữa thiết bị liên lạc;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;

CÔNG TY CỔ PHẦN VINA VICO

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc cho thuê;
- Đại lý;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Sản xuất sắt, thép, gang;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Khai thác và thu gom than non;
- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác và thu gom than bùn;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Quảng cáo;
- Xuất bản phần mềm (trừ xuất bản phẩm);
- Sản xuất kim loại màu và kim loại quý;
- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính;
- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính);
- Khai thác và thu gom than cứng;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Tư vấn đầu tư không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán);
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (chi tiết: xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (chi tiết: ủy thác xuất nhập khẩu; Dịch vụ đại lý tã biển; Dịch vụ đại lý vận tải đường biển; Gửi hàng; Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển; Giao nhận hàng hóa; Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn; Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa đường biển; Dịch vụ logistic).
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Vận tải hàng hóa ven biển, viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;

CHỖ
CHỮ
CỔ
PHẦN
M T O
A
T A I
V G E

CÔNG TY CỔ PHẦN VINA VICO

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Trừ kinh doanh bất động sản);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Môi giới thương mại.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Mai Hồng Bằng	Chủ tịch	Ngày 29 tháng 6 năm 2011
Ông Nguyễn Thanh Hoàn	Ủy viên	Ngày 29 tháng 6 năm 2011
Ông Nguyễn Quang Hưng	Ủy viên	Ngày 01 tháng 10 năm 2012
Ông Mai Văn Sơn	Ủy viên	Ngày 27 tháng 4 năm 2013
Ông Nguyễn Thạch Quý	Ủy viên	Ngày 18 tháng 4 năm 2014

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lê Anh Tuấn	Trưởng Ban	Ngày 29 tháng 6 năm 2011
Ông Nguyễn Công Đường	Thành viên	Ngày 29 tháng 6 năm 2011
Ông Mai Xuân Hòa	Thành viên	Ngày 07 tháng 5 năm 2012

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Mai Hồng Bằng	Tổng Giám đốc	Ngày 05 tháng 5 năm 2006
Ông Mai Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 01 tháng 12 năm 2013

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Mai Hồng Bằng (bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2006).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần Vinavico trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAICO

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

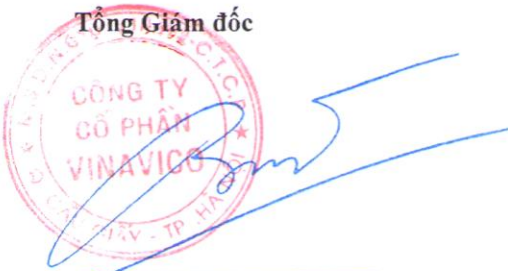
Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vinaico tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Mai Hồng Bằng

Ngày 26 tháng 3 năm 2016

5-02
HÀN
3 T
M H
V A T
& C
À N
- T



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Hà Nội : 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Cần Thơ : 15-13 Võ Nguyễn Giáp St., Cần Thơ City
www.a-c.com.vn

Số: 249/2016/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vinavico (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 26 tháng 3 năm 2016, từ trang 08 đến trang 48, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vinavico tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Thị Tư - Phó Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0059-2013-008-1

Trần Anh Tuấn - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1708-2013-008-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		62.299.890.228	41.699.373.561
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.979.639.415	993.486.335
1. Tiền	111		179.639.415	993.486.335
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.800.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		241.165.900	241.231.525
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	302.325.055	302.325.055
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(61.159.155)	(61.093.530)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		40.594.708.707	21.688.355.139
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	21.670.148.024	16.486.027.157
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	19.194.391.475	4.669.092.521
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	2.745.424.616	2.117.424.616
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	7.656.322.206	8.801.029.988
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(10.671.577.614)	(10.385.219.143)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		18.150.872.905	16.554.236.898
1. Hàng tồn kho	141	V.8	18.150.872.905	16.554.236.898
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.333.503.301	2.222.063.664
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	120.323.641	209.852.760
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.213.179.660	2.012.210.904
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		57.412.113.312	73.995.072.252
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.382.360.806	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	1.382.360.806	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		19.953.394.429	30.897.612.714
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	19.952.537.780	30.886.476.061
<i>Nguyên giá</i>	222		28.688.005.302	40.626.505.743
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(8.735.467.522)	(9.740.029.682)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	856.649	11.136.653
<i>Nguyên giá</i>	228		51.400.000	51.400.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(50.543.351)	(40.263.347)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		3.812.250.398	1.603.655.715
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	3.812.250.398	1.603.655.715
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		20.122.915.026	28.822.915.026
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	13.335.397.909	22.035.397.909
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	9.421.709.085	9.421.709.085
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(2.634.191.968)	(2.634.191.968)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		12.141.192.653	12.670.888.797
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	12.141.192.653	12.670.888.797
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		119.712.003.540	115.694.445.813

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		43.729.004.184	41.025.597.784
I. Nợ ngắn hạn	310		43.644.504.184	40.941.097.784
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	31.778.251.711	30.608.725.201
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	2.318.793.806	5.059.989.233
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	530.034.355	1.931.695.690
4. Phải trả người lao động	314		177.672.655	596.032.845
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	81.411.881	330.348.324
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	85.520.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	927.603.703	493.229.506
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	7.805.457.073	1.810.277.985
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	25.279.000	25.279.000
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		84.500.000	84.500.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b	84.500.000	84.500.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VINA VICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		75.982.999.356	74.668.848.029
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	75.982.999.356	74.668.848.029
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		96.543.810.000	96.543.810.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		96.543.810.000	96.543.810.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		6.298.680.000	6.298.680.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(1.686.650.000)	(1.686.650.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.532.087.481	1.532.087.481
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(26.704.928.125)	(28.019.079.452)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(28.019.079.452)	(28.019.079.452)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.314.151.327	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		119.712.003.540	115.694.445.813

Người lập biểu

Dương Thị Hồng Thúy

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoa Huệ

Lập, ngày 26 tháng 03 năm 2016

Tổng Giám đốc



Mai Hồng Bằng

CÔNG TY CỔ PHẦN VINA VICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	31.834.216.688	16.097.467.093
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		31.834.216.688	16.097.467.093
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	26.924.105.528	19.974.292.126
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.910.111.160	(3.876.825.033)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	417.660.943	922.364.335
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	214.136.208	1.338.194.739
Trong đó: chi phí lãi vay	23		183.553.979	166.781.150
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	738.657.735	280.809.315
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	3.310.137.144	9.173.515.245
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.064.841.016	(13.746.979.997)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	435.797.812	33.600.185
12. Chi phí khác	32	VI.8	186.487.501	8.651.127.882
13. Lợi nhuận khác	40		249.310.311	(8.617.527.697)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.314.151.327	(22.364.507.694)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>1.314.151.327</u>	<u>(22.364.507.694)</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>138</u>	<u>(2.344)</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	<u>138</u>	<u>(2.344)</u>

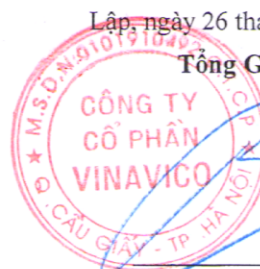
Lập, ngày 26 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Dương Thị Hồng Thúy

Nguyễn Thị Hoa Hué

Mai Hồng Bằng

CÔNG TY CỔ PHẦN VINA VICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.314.151.327	(22.364.507.694)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	2.871.181.978	3.353.136.697
- Các khoản dự phòng	03	286.424.096	5.860.813.978
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	17.849.294	1.858.860
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(725.016.208)	(312.500.030)
- Chi phí lãi vay	06	183.553.979	166.781.150
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	3.948.144.466	(13.294.417.039)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(12.145.197.040)	11.710.415.761
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(1.596.636.007)	(1.006.606.720)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(1.883.946.601)	9.747.239.186
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	619.225.263	642.947.713
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(182.638.161)	(163.380.038)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.392.313.540)	(200.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	169.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(164.600.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(12.633.361.620)	7.440.598.863
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(3.007.533.488)	(4.670.285.244)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	2.278.544.875	77.394.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(628.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(6.000.000.000)	(3.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	14.700.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	289.326.472	312.500.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	7.632.337.859	(7.280.391.244)

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay		Năm trước	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	13.033.133.567	5.815.355.199		
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(7.037.954.479)	(6.284.355.222)		
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-	-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>5.995.179.088</i>	<i>(469.000.023)</i>		
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	<i>50</i>	<i>994.155.327</i>	<i>(308.792.404)</i>		
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	<i>60</i>	<i>V.1</i>	<i>993.486.335</i>	<i>1.302.092.374</i>	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(8.002.247)	186.365		
<i>Tiền và tương đương tiền cuối năm</i>	<i>70</i>	<i>V.1</i>	<i>1.979.639.415</i>	<i>993.486.335</i>	

Người lập biểu

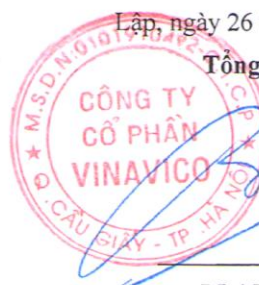
Dương Thị Hồng Thúy

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoa Huế

Lập, ngày 26 tháng 03 năm 2016

Tổng Giám đốc



Mai Hồng Bàng



CÔNG TY CỔ PHẦN VINA VICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vinavico (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh thương mại, khai thác khoáng sản và xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
- Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá, sản xuất bột đá;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Ngày 17 tháng 3 năm 2015, Hội đồng quản trị Công ty đã ra nghị quyết số 56/NQ-HĐQT/VINA VICO với các nội dung sau:

- Thông qua chủ trương tạm dừng hoạt động mỏ Thâm Thèn – xã Tân Lập, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.
- Thông qua chủ trương thoái vốn tại dự án đầu tư khai thác và chế biến đá xây dựng khu vực núi Pha Xúm – thôn Thanh Thủy, xã Thanh Xuân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.
- Thông qua chủ trương góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần chế biến khoáng sản Vinavico.

6. Cấu trúc Công ty

Các Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Đá tự nhiên VnStone	Số 54, phố Khương Trung, phường Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	Khai thác đá, cát sỏi, đất sét, bán buôn	48,9%	48,9%	48,9%
Công ty Cổ phần chế biến Khoáng sản Vinavico	Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiên, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam	Khai thác và thu gom đá, cát, sỏi đất sét, bán buôn	33%	33%	33%

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Các quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này không có ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu của Công ty và Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 do vậy các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 19 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 31 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

11/2015
M. H. C. H. I.
1/2015

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính. -

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

11/01/2016

CÔNG TY CỔ PHẦN VINA VICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là chi phí sản xuất dở dang của các công trình, là chi phí tương ứng với nguyên vật liệu và nhân công của hạng mục chưa được nghiệm thu.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí đầu tư mô

Chi phí đầu tư mô được phân bổ vào theo thời gian thực hiện dự án.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

11/11/2015 10:11:11 AM

CÔNG TY CỔ PHẦN VINA VICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hoá, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINA VICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

21. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	16.783.686	122.088.319
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	162.855.729	871.398.016
Các khoản tương đương tiền	1.800.000.000	-
Cộng	<u>1.979.639.415</u>	<u>993.486.335</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu	302.325.055	241.165.900	(61.159.155)	302.325.055	241.231.525	(61.093.530)
Công ty Cổ phần Xi măng Xây dựng Quảng Ninh	665.055	134.400	(530.655)	665.055	170.400	(494.655)
Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất và Thương mại Việt nam	301.660.000	241.031.500	(60.628.500)	301.660.000	241.061.125	(60.598.875)
Cộng	<u>302.325.055</u>	<u>241.165.900</u>	<u>(61.159.155)</u>	<u>302.325.055</u>	<u>241.231.525</u>	<u>(61.093.530)</u>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(61.093.530)	(61.093.530)
Trích lập dự phòng bổ sung	(65.625)	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối năm	<u>(61.159.155)</u>	<u>(61.093.530)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý ^a	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty liên kết	13.335.397.909			22.035.397.909		
Công ty Cổ phần Đá tự nhiên VnStone (i)	7.335.397.909			7.335.397.909		
Công ty TNHH Đá cẩm thạch An Phú (ii)				14.700.000.000		
Công ty Cổ phần chế biến khoáng sản Vinavico (iii)	6.000.000.000					
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	9.421.709.085	(2.634.191.968)		9.421.709.085	(2.634.191.968)	
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Năng lượng Việt Nam	1.209.085	(1.009.885)		1.209.085	(1.009.885)	
Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất và Thương mại Việt Nam	262.500.000	(111.224.483)		262.500.000	(111.224.483)	
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Quảng Nam	5.000.000.000			5.000.000.000		
Công ty Cổ phần Cơ điện Nông nghiệp và Thủy lợi II	2.096.000.000	(1.951.376.000)		2.096.000.000	(1.951.376.000)	
Công ty Cổ phần VRG Bảo Lộc	1.000.000.000			1.000.000.000		
Ngân hàng TMCP An Bình	732.000.000	(570.581.600)		732.000.000	(570.581.600)	
Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin và Truyền thông Nam Việt	250.000.000			250.000.000		
Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Công nghệ thông tin Vinavico	80.000.000			80.000.000		
Cộng	22.757.106.994	(2.634.191.968)		31.457.106.994	(2.634.191.968)	

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105451585 thay đổi lần 1 ngày 06 tháng 12 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đá tự nhiên VnStone 7.350.000.000 VND, tương đương 49% vốn điều lệ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã đầu tư 7.335.397.909 VND, tương đương 48,9% vốn điều lệ, số vốn còn phải góp là 14.602.091 VND.
- (ii) Trong năm, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH Đá Cẩm Thạch An Phú là 9.000.000.000 VND và phần vốn góp do bà Phạm Thị Thủy Hằng đại diện đứng tên góp vốn là 5.700.000.000 VND cho Công ty TNHH một thành viên Đá trắng Bảo Lai và Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Lai với giá chuyển nhượng là 14.700.000.000 VND.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5200818874 thay đổi lần 1 ngày 26 tháng 5 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Chế biến Khoáng sản Vinavico 5.000.000.000 VND (500.000 Cổ phần) tương đương 27,8% vốn điều lệ. Theo nghị quyết số 139a ngày 15 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chế biến Khoáng sản Vinavico thì Công ty được góp thêm 1.000.000.000 VND vốn điều lệ (100.000 cổ phần) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã đầu tư 6.000.000.000 VND, tương đương 33% vốn điều lệ. Theo Hợp đồng ủy thác số 157/HĐUT/VINAVICO/HANG giữa Công ty với bà Phạm Thị Thủy Hằng thì Công ty ủy thác cho bà Phạm Thị Thủy Hằng đứng tên góp vốn vào Công ty Cổ phần Chế biến Khoáng sản Vinavico là 3.000.000.000 VND (300.000 cổ phần) từ ngày 15 tháng 7 năm 2015 đến ngày 15 tháng 7 năm 2020.

Công ty không có thông tin về giá giao dịch của các Công ty này do 3 công ty chứng khoán công bố đồng thời cũng không thu thập được Báo cáo tài chính của các công ty này tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015, do đó Công ty không có căn cứ để xem xét trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư này. Vì vậy, đối với các khoản đầu tư đã được trích dự phòng từ năm trước thì vẫn giữ nguyên số đã trích dự phòng.

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Giao dịch với các công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Đá tự nhiên Vnstone		
Mua nguyên liệu, hàng hóa và thuê nhân công	362.000.000	3.373.809.733
Công ty Cổ phần Chế biến khoáng sản Vinavico		
Bán máy nghiền bột siêu mịn	3.058.576.200	-
Bán thanh lý máy móc thiết bị	4.287.820.791	-
Mua nguyên liệu, hàng hóa và thuê nhân công	4.049.083.446	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn/dài hạn của khách hàng

3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	6.702.830.917	4.421.794.226
Công ty Cổ phần Đá tự nhiên Vnstone	4.191.775.942	4.391.775.942
Công ty Cổ phần Chế biến khoáng sản Vinavico	2.481.036.691	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác mỏ Vinavico	30.018.284	30.018.284
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	14.967.317.107	12.064.232.931
Công ty Cổ phần Đầu tư và thương mại Tân Phong	4.258.576.039	4.258.576.039
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Lâm nghiệp và Xây dựng Thành Đạt	3.142.583.671	589.729.948
Công ty Cổ phần Đầu tư Giải pháp Việt	1.419.999.999	2.019.999.999
Các khách hàng khác	6.146.157.398	5.195.926.945
Cộng	<u>21.670.148.024</u>	<u>16.486.027.157</u>

3b. Phải thu dài hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	1.382.360.806	-
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Lâm nghiệp và Xây dựng Thành Đạt	1.382.360.806	-
Cộng	<u>1.382.360.806</u>	<u>-</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	10.630.556.285	2.252.215.441
Công ty Cổ phần Đá tự nhiên Vnstone	3.751.288.078	2.252.215.441
Công ty Cổ phần Chế biến khoáng sản Vinavico	6.879.268.207	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	8.563.835.190	2.416.877.080
Công ty Cổ phần Đầu tư Giải pháp Việt	1.325.000.000	1.325.000.000
Guangxi Construction	6.371.782.200	-
Các khách hàng khác	867.052.990	1.091.877.080
Cộng	<u>19.194.391.475</u>	<u>4.669.092.521</u>

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	478.000.000	-
Công ty TNHH đá Cẩm Thạch An Phú	478.000.000	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	2.267.424.616	2.117.424.616
Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại Tân Phong	1.314.424.616	1.314.424.616
Công ty Cổ phần Vận tải và Thi công Cơ giới Thái Bình	503.000.000	503.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Lâm nghiệp và Xây dựng Thành Đạt	300.000.000	300.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Giải pháp Việt	150.000.000	-
Cộng	<u>2.745.424.616</u>	<u>2.117.424.616</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	1.795.750.087	(4.253.500)	1.658.521.424	(4.253.500)
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và khai thác mỏ Vinavico - Tiền hỗ trợ dự án	200.000.000	-	200.000.000	-
Công ty Cổ phần Đá tự nhiên Vnstone - Các khoản chi hộ	4.253.500	(4.253.500)	4.253.500	(4.253.500)
Ông Mai Hồng Bằng - Tiền cổ tức thu hộ Công ty	67.075.400		67.075.400	
Ông Mai Văn Sơn - Tạm ứng	1.282.084.634		1.046.100.889	
Ông Nguyễn Thạch Quý - Tạm ứng	242.336.553		341.091.635	
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	5.860.572.119	(1.506.535.574)	7.142.508.564	(1.501.070.774)
Phải thu về hỗ trợ tài chính				
Ông Nguyễn Văn Đông	1.200.000.000	(1.200.000.000)	1.200.000.000	(1.200.000.000)
Ông Dương Văn Huệ	301.070.774	(301.070.774)	301.070.774	(301.070.774)
Tạm ứng	3.875.192.570		4.402.102.417	-
Ký cược, ký quỹ	50.000.000		50.000.000	-
Dự thu lãi tiền gửi	3.800.000			
Quỹ khen thưởng, phúc lợi chi vượt nguồn	334.648.002		297.248.002	
Các khoản khác	95.860.773	(5.464.800)	959.162.771	-
Cộng	7.656.322.206	(1.510.789.074)	8.801.029.988	(1.505.324.274)

7. Nợ xấu

	Số cuối năm			Số đầu năm		Giá trị có thể thu hồi
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	
Các bên liên quan		4.253.500	-		4.253.500	
Công ty Cổ phần Đá tự nhiên Vnstone	Trên 3 năm	4.253.500		Trên 3 năm	4.253.500	
Các tổ chức và cá nhân khác		10.818.420.514	151.096.400		10.380.965.643	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Tân Phong						
- Tiền bán hàng	Trên 3 năm	4.258.576.039		Từ 2 năm đến dưới 3 năm	4.258.576.039	
- Tiền cho vay	Trên 3 năm	1.314.424.616		Từ 1 năm đến dưới 2 năm	1.314.424.616	
Công ty Cổ phần Đầu tư Giải pháp Việt - Tiền bán hàng	Trên 3 năm	1.360.000.000		Từ 2 năm đến dưới 3 năm	1.360.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư Giải pháp Việt - Ứng trước tiền mua hàng	Trên 3 năm	1.160.000.000		Từ 1 năm đến dưới 2 năm	1.160.000.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN VINA VICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm		Giá trị có thể thu hồi
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc	
Ông Nguyễn Văn Đông - Tiền ủy thác đầu tư	Trên 3 năm	1.200.000.000	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	1.200.000.000	
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	Trên 3 năm	1.525.419.859	Trên 3 năm	1.087.964.988	
Cộng		10.822.674.014		10.385.219.143	

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu và cho vay khó đòi như sau:

	Nợ phải thu và cho vay ngắn hạn	Nợ phải thu và cho vay ngắn hạn	Cộng
Số đầu năm	(10.385.219.143)		(10.385.219.143)
Trích lập dự phòng bổ sung	(286.358.471)		(286.358.471)
Số cuối năm	(10.671.577.614)		(10.671.577.614)

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	294.060.293	-	296.688.184	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.279.941.511	-	1.573.105.402	-
Thành phẩm	12.922.399.198	-	12.344.364.338	-
Hàng hóa	2.608.700.196	-	2.294.307.267	-
Hàng gửi đi bán	45.771.707	-	45.771.707	-
Cộng	18.150.872.905	-	16.554.236.898	-

9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	13.507.735	101.517.528
Chi phí Bảo hiểm	7.449.668	9.502.361
Chi phí thuê nhà	-	60.000.000
Thuế xuất khẩu, chi phí vận chuyển của các lô hàng gửi đi bán	73.399.492	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	25.966.746	38.832.871
Cộng	120.323.641	209.852.760

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	41.530.862	186.146.413
Chi phí đầu tư mô	12.030.951.972	12.470.894.018
Chi phí sửa chữa	60.269.444	-
Các chi phí trả trước dài hạn khác	8.440.375	13.848.366
Cộng	12.141.192.653	12.670.888.797

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	21.623.724.825	15.008.368.558	3.933.466.906	60.945.454	40.626.505.743
Mua trong năm	-	775.800.000	-	-	775.800.000
Thanh lý, nhượng bán	(3.074.001.170)	(8.139.563.729)	(1.500.735.542)	-	(12.714.300.441)
Số cuối năm	18.549.723.655	7.644.604.829	2.432.731.364	60.945.454	28.688.005.302
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	87.500.000	-	60.945.454	148.445.454
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	2.127.380.482	5.580.834.430	1.972.835.301	58.979.469	9.740.029.682
Khấu hao trong năm	923.991.893	1.590.430.132	344.513.964	1.965.985	2.860.901.974
Thanh lý, nhượng bán	(679.474.717)	(2.259.738.946)	(926.250.471)	-	(3.865.464.134)
Số cuối năm	2.371.897.658	4.911.525.616	1.391.098.794	60.945.454	8.735.467.522
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	19.496.344.343	9.427.534.128	1.960.631.605	1.965.985	30.886.476.061
Số cuối năm	16.177.825.997	2.733.079.213	1.041.632.570	-	19.952.537.780
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình giá trị còn lại theo sổ sách là 815.001.061 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Sở giao dịch III - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

11. Tài sản cố định vô hình

Là chương trình phần mềm

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	51.400.000	40.263.347	11.136.653
Tăng trong năm do khấu hao	-	10.280.004	(10.280.004)
Số cuối năm	51.400.000	50.543.351	856.649

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển giảm khác (*)	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	23.138.805	-	(23.138.805)	-
Xây dựng cơ bản dở dang	1.580.516.910	2.231.733.488	-	3.812.250.398
<i>Dự án nhà máy Nghiễn bột</i>	<i>1.580.516.910</i>	<i>2.231.733.488</i>		<i>3.812.250.398</i>
Cộng	1.603.655.715	2.231.733.488	(23.138.805)	3.812.250.398

(*) Kết chuyển giảm khác là do chuyển mục đích sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Giảm khác (*)	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	72.098.080	(72.098.080)	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	321.149.868	(321.149.868)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	434.897.122	(434.897.122)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.428.422.025	-	(1.392.313.540)	-	36.108.485
Thuế thu nhập cá nhân	498.672.755	21.253.115	-	(26.000.000)	493.925.870
Thuế tài nguyên	3.977.910	104.006.760	(107.984.670)	-	-
Các loại thuế khác	-	4.000.000	(4.000.000)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	623.000	15.876.600	(16.499.600)	-	-
Cộng	1.931.695.690	973.281.545	(2.348.942.880)	(26.000.000)	530.034.355

(*) Điều chỉnh giảm số thuế thu nhập cá nhân năm trước theo quyết toán.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.314.151.327	(22.364.507.694)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(30.537.534)	83.458.065
- Các khoản điều chỉnh tăng	248.988.938	397.897.225
Chi phí không đủ chứng từ, không hợp lệ	59.364.043	197.180.885
Thu lao HĐQT không trực tiếp điều hành	36.000.000	57.000.000
Chi phí khấu hao ô tô vượt 1,6 tỷ	21.111.348	21.111.346
Khấu hao của nhà cửa chưa có quyền sở hữu	119.450.208	119.450.208
Lãi chậm nộp bảo hiểm	-	3.121.586
Dự phòng giảm giá cổ phiếu OTC	65.625	33.200
Lỗ CLTG do đánh giá lại tiền và các khoản phải thu cuối năm	11.138.854	-
Lãi CLTG chưa thực hiện năm trước đã thực hiện năm nay	1.858.860	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(279.526.472)	(314.439.160)
Cổ tức được nhận	(279.526.472)	(312.500.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Lãi CLTG chưa thực hiện khi đánh giá lại Tiền và các khoản phải thu cuối năm</i>	-	(1.858.860)
<i>Hoàn nhập dự phòng giảm giá cổ phiếu OTC cuối năm trước</i>	-	(80.300)
Thu nhập chịu thuế	1.283.613.793	(22.281.049.629)
Lỗ các năm trước được chuyển	(1.283.613.793)	
Thu nhập tính thuế	-	(22.281.049.629)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	81.411.881	330.348.324
Chi phí công trình	24.725.000	113.895.614
Chi phí vận chuyển bốc dỡ	40.661.930	103.125.543
Chi phí lãi vay	13.034.042	12.118.224
Chi phí khác	2.990.909	101.208.943
Cộng	81.411.881	330.348.324

18. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

18a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	252.900.000	69.900.000
Phải trả về tiền thù lao HĐQT	252.900.000	69.900.000
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	674.703.703	423.329.506
Kinh phí công đoàn	66.335.514	54.011.333
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	530.000	11.055.019
Cổ tức năm 2010	42.300.184	42.300.184
Các khoản phải trả phải nộp khác	565.538.005	315.962.970
Cộng	927.603.703	493.229.506

18b. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký quỹ, ký cược

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	<i>800.000.000</i>	<i>-</i>
Vay Ông Mai Hồng Bằng không tính lãi ⁽ⁱ⁾	800.000.000	-
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>7.005.457.073</i>	<i>1.810.277.985</i>
Vay ngắn hạn ngân hàng	6.980.457.073	1.710.277.985
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Sở giao dịch III ⁽ⁱⁱ⁾	6.980.457.073	1.710.277.985
Vay ngắn hạn các cá nhân	25.000.000	100.000.000
Vay Bà Nguyễn Thị Hoa ⁽ⁱⁱⁱ⁾	25.000.000	100.000.000
Cộng	<u>7.805.457.073</u>	<u>1.810.277.985</u>

- (i) Vay không có tài sản đảm bảo Ông Mai Hồng Bằng để phục vụ sản xuất kinh doanh không lãi suất, không thời hạn vay.
- (ii) Khoản vay tại Sở giao dịch III - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được thế chấp bằng Xe ô tô Toyota Land Cruise Prado TX - L 2.7 L, biển kiểm soát số 30Z-8451.
- (iii) Vay không có tài sản đảm bảo Bà Nguyễn Thị Hoa để phục vụ sản xuất kinh doanh không lãi suất, không thời hạn vay.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.710.277.985	11.074.933.567	(5.804.754.479)	6.980.457.073
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	-	500.000.000	(500.000.000)	-
Vay ngắn hạn các cá nhân	100.000.000	1.458.200.000	(733.200.000)	825.000.000
Cộng	<u>1.810.277.985</u>	<u>13.033.133.567</u>	<u>(7.037.954.479)</u>	<u>7.805.457.073</u>

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng (*)	(178.753.828)		(178.753.828)
Quỹ phúc lợi (*)	(118.494.174)	(37.400.000)	(155.894.174)
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	25.279.000		25.279.000
Cộng	<u>(271.969.002)</u>	<u>(37.400.000)</u>	<u>(309.369.002)</u>

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi chi vượt nguồn được trình bày ở khoản mục “Các khoản phải thu ngắn hạn khác” (xem thuyết minh số V.6).

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu

21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	96.543.810.000	6.298.680.000	(1.686.650.000)	807.672.120	724.415.361	(5.654.571.758)	97.033.355.723
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	(22.364.507.694)	(22.364.507.694)
Số dư cuối năm trước	96.543.810.000	6.298.680.000	(1.686.650.000)	807.672.120	724.415.361	(28.019.079.452)	74.668.848.029
Số dư đầu năm nay	96.543.810.000	6.298.680.000	(1.686.650.000)	1.532.087.481	-	(28.019.079.452)	74.668.848.029
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	1.314.151.327	1.314.151.327
Số dư cuối năm nay	96.543.810.000	6.298.680.000	(1.686.650.000)	1.532.087.481	-	(26.704.928.125)	75.982.999.356

21b. Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn điều lệ đã đầu tư (VND)	Vốn điều lệ còn phải đầu tư (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)		
Ông Mai Hồng Bằng	19.355.220.000	20,05%	19.355.220.000	-
Các cổ đông khác	77.188.590.000	79,95%	77.188.590.000	-
Cộng	96.543.810.000	100,00%	96.543.810.000	-



CÔNG TY CỔ PHẦN VINAICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.654.381	9.654.381
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	9.654.381	9.654.381
- Cổ phiếu phổ thông	9.654.381	9.654.381
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	112.000	112.000
- Cổ phiếu phổ thông	112.000	112.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.542.381	9.542.381
- Cổ phiếu phổ thông	9.542.381	9.542.381
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

22a. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 621,55 USD (số đầu năm là 574,76 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	10.869.027.640	6.389.162.899
Doanh thu bán thành phẩm	10.719.219.093	3.291.462.945
Doanh thu cung cấp dịch vụ	524.890.000	424.330.000
Doanh thu hợp đồng xây dựng	9.721.079.955	5.992.511.249
Cộng	<u>31.834.216.688</u>	<u>16.097.467.093</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết.

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	10.130.722.183	10.746.051.471
Giá vốn của thành phẩm đã bán	8.247.109.299	3.178.861.881
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	202.572.540	202.572.540
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	8.343.701.506	4.917.854.872
Chi phí trong thời gian chưa sản xuất		928.951.362
Cộng	<u>26.924.105.528</u>	<u>19.974.292.126</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	9.800.000	-
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	4.369.460	4.641.838
Cổ tức, lợi nhuận được chia	279.526.472	312.500.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	123.918.211	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	1.858.860
Lãi bán hàng trả chậm	-	13.633.689
Lãi đầu tư hợp tác kinh doanh	-	589.729.948
Doanh thu hoạt động tài chính khác	46.800	-
Cộng	<u>417.660.943</u>	<u>922.364.335</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	183.553.979	166.781.150
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	11.715.779	44.684.235
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	17.849.294	-
Dự phòng các khoản đầu tư	65.625	33.200
Hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư	-	(80.300)
Chi phí đầu tư hợp tác kinh doanh	-	1.126.776.454
Chi phí tài chính khác	951.531	-
Cộng	<u>214.136.208</u>	<u>1.338.194.739</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	-	143.133.489
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	12.745.516	31.686.046
Chi phí dịch vụ mua ngoài	557.029.563	79.513.064
Chi phí bằng tiền khác	168.882.656	26.476.716
Cộng	<u>738.657.735</u>	<u>280.809.315</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	1.148.688.232	1.430.222.966
Chi phí đồ dùng văn phòng	129.257.639	227.911.448
Chi phí khấu hao tài sản cố định	395.929.870	502.193.239
Thuế, phí và lệ phí	11.299.091	551.930
Chi phí dự phòng	286.358.471	5.860.861.078
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.137.810.500	992.556.729
Các chi phí khác	200.793.341	159.217.855
Cộng	<u>3.310.137.144</u>	<u>9.173.515.245</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	435.689.736	-
Thu từ xuất bán bao bì cũ	-	33.600.008
Thu nhập khác	108.076	177
Cộng	<u>435.797.812</u>	<u>33.600.185</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thanh lý công cụ, dụng cụ	186.487.501	-
Chênh lệch do đánh giá lại giá trị tài sản góp vốn liên quan đến mỏ đá Khâu Ca	-	8.563.490.742
Lãi chậm nộp bảo hiểm	-	3.121.586
Chi phí khác	-	84.515.554
Cộng	<u>186.487.501</u>	<u>8.651.127.882</u>

9. Lãi trên cổ phiếu

9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.314.151.327	(22.364.507.694)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	1.314.151.327	(22.364.507.694)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	9.542.381	9.542.381
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>138</u>	<u>(2.344)</u>

9b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.858.045.244	796.684.274
Chi phí nhân công	2.327.830.216	2.937.355.511
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.406.064.953	3.065.599.843
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.079.184.423	2.237.682.760
Chi phí khác	6.455.924.357	8.942.137.299
Cộng	<u>22.127.049.193</u>	<u>17.979.459.687</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm, Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Góp vốn bằng tài sản	-	11.700.000.000
Cộng	-	11.700.000.000

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Các thành viên Ban điều hành		
Cho Công ty vay	800.000.000	-
Tạm ứng	5.579.727.352	1.191.734.540
Hoàn tạm ứng	5.410.819.007	1.123.174.599
Các thành viên Hội đồng quản trị		
Tạm ứng	435.538.000	
Hoàn tạm ứng	534.293.082	

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.6 và V.18.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong năm là 371.786.681 VND (năm trước là 330.798.852 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đá tự nhiên VnStone	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Chế biến khoáng sản Vinavico	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần đầu tư Xây dựng và Khai thác mỏ Vinavico	Công ty trong cùng hệ thống

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty không còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3a, V.4, V.5, V.6.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính bao gồm:

- Lĩnh vực xây lắp: lắp đặt sản phẩm đá cho các dự án.
- Lĩnh vực thương mại: sản xuất và kinh doanh bột đá và đá.
- Lĩnh vực dịch vụ: tư vấn khai thác mỏ....

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực dịch vụ	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	9.721.079.955	21.588.246.733	524.890.000	31.834.216.688
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.721.079.955	21.588.246.733	524.890.000	31.834.216.688
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	1.377.378.449	2.471.757.516	322.317.460	4.171.453.425
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(3.310.137.144)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				861.316.281
Doanh thu hoạt động tài chính				417.660.943
Chi phí tài chính				(214.136.208)
Thu nhập khác				435.797.812

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<u>Lĩnh vực xây lắp</u>	<u>Lĩnh vực thương mại</u>	<u>Lĩnh vực dịch vụ</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	13.150.638.447	41.338.961.943	120.080.000	54.609.680.390
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				65.102.323.150
Tổng tài sản				<u>119.712.003.540</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	2.103.237.431	31.860.947.520	217.360.566	34.181.545.517
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	9.547.458.667
Tổng nợ phải trả				<u>43.729.004.184</u>
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	40.030.607.997	20.935.474.380	-	60.966.082.378
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				54.728.363.435
Tổng tài sản				<u>- 115.694.445.813</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	5.975.052.064	29.912.770.694	170.020.000	36.057.842.758
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				4.967.755.026
Tổng nợ phải trả				<u>41.025.597.784</u>

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Số liệu so sánh

3a. Áp dụng chế độ kế toán mới

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.



CÔNG TY CỔ PHẦN VINA VICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3b. Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán					
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		2.117.424.616	2.117.424.616	(i)
Phải thu ngắn hạn khác	136	4.781.911.661	4.019.118.327	8.801.029.988	(i)
Tài sản ngắn hạn khác	155	5.839.294.941	(5.839.294.941)	-	(i)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	(271.969.002)	297.248.002	25.279.000	(i)
Phải trả ngắn hạn khác	319	593.229.506	(100.000.000)	493.229.506	(ii)
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	1.710.277.985	100.000.000	1.810.277.985	(ii)
Quỹ đầu tư phát triển	418	807.672.120	724.415.361	1.532.087.481	(iii)
Quỹ dự phòng tài chính		724.415.361	(724.415.361)	-	(iii)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh					
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16.228.946.477	(131.479.384)	16.097.467.093	(iv)
Các khoản giảm trừ doanh thu	11	131.479.384	(131.479.384)	-	(iv)

(i) Tăng/Giảm do phân loại lại :

✓ Khoản cho vay từ chỉ tiêu “Phải thu ngắn hạn khác” (mã số 136) sang phân ánh thành chỉ tiêu riêng “Phải thu về cho vay ngắn hạn” (mã số 135) 2.117.424.616 VND

✓ Phân loại khoản tạm ứng cho cán bộ, công nhân viên và ký cược, ký quỹ ngắn hạn từ chỉ tiêu “Tài sản ngắn hạn khác” (mã số 155) sang chỉ tiêu “Phải thu ngắn hạn khác” (mã số 136) 5.839.294.941 VND

✓ Phân loại số chi quá Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ chỉ tiêu “Quỹ khen thưởng, phúc lợi” (mã số 322) sang chỉ tiêu “Phải thu ngắn hạn khác” (mã số 136) 297.248.002 VND

(ii) Tăng/Giảm do phân loại lại khoản cho vay không tính lãi từ chỉ tiêu “Phải trả ngắn hạn khác” (mã số 319) sang chỉ tiêu “Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn” (mã số 320).

(iii) Tăng do phân loại lại các Quỹ dự phòng tài chính sang phân ánh trên chỉ tiêu “Quỹ đầu tư phát triển” (mã số 418).

(iv) Tăng/Giảm do phân loại lại các khoản mục giảm trừ doanh thu từ chỉ tiêu “Các khoản giảm trừ doanh thu” (mã số 02) sang phân ánh trên chỉ tiêu “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” (mã số 01).

4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

4a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINA VICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ quy chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là trung bình.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Các khoản cho vay

Công ty cho các công ty khác vay tiền. Một trong số các công ty này không có khả năng trả nợ. Ban giám đốc đánh giá rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là trung bình.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.6 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.979.639.415	-	1.979.639.415
Chứng khoán kinh doanh	-	302.325.055	302.325.055
Phải thu khách hàng	17.136.727.609	5.915.781.221	23.052.508.830
Các khoản cho vay	928.000.000	1.817.424.616	2.745.424.616
Các khoản phải thu khác	290.395.973	1.510.789.074	1.801.185.047
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	6.330.000.000	3.091.709.085	9.421.709.085
Cộng	26.664.762.997	12.638.029.051	39.302.792.048
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	993.486.335	-	993.486.335
Chứng khoán kinh doanh	-	302.325.055	302.325.055
Phải thu khách hàng	10.757.225.137	5.728.802.020	16.486.027.157
Các khoản cho vay	300.000.000	1.817.424.616	2.117.424.616
Các khoản phải thu khác	1.209.162.771	1.505.324.274	2.714.487.045
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	6.330.000.000	3.091.709.085	9.421.709.085
Cộng	19.589.874.243	12.445.585.050	32.035.459.293

CÔNG TY CỔ PHẦN VINA VICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản/Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	USD	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	621,55	574,76
Phải thu khách hàng	75.100,00	35.851,00
Phải trả người bán	(1.403.000,00)	(1.403.000,00)
Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ	(1.327.278,45)	(1.366.574,24)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 466.288.847 VND (năm trước giảm/tăng 455.974.111 VND).

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.800.000.000	-
Vay và nợ	6.980.457.073	1.710.277.985
Nợ phải trả thuần	8.780.457.073	1.710.277.985

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận trước/sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 175.609.141 VND (năm trước giảm/tăng 20.077.153 VND).

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá nguyên vật liệu.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4d. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

6. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.979.639.415	-	993.486.335	-
Chứng khoán kinh doanh	302.325.055	(61.159.155)	302.325.055	(61.093.530)
Phải thu khách hàng	23.052.508.830	(7.343.363.924)	16.486.027.157	(7.062.470.253)
Các khoản cho vay	2.745.424.616	(1.817.424.616)	2.117.424.616	(1.817.424.616)
Các khoản phải thu khác	1.801.185.047	(1.510.789.074)	2.714.487.045	(1.505.324.274)
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	9.421.709.085	(2.634.191.968)	9.421.709.085	(2.634.191.968)
Cộng	39.302.792.048	(13.366.928.737)	32.035.459.293	(13.080.504.641)

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	31.778.251.711	30.608.725.201
Vay và nợ	7.805.457.073	1.810.277.985
Các khoản phải trả khác	731.449.886	574.715.864
Cộng	40.315.158.670	32.993.719.050

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

7. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2016

Người lập biểu

Dương Thị Hồng Thúy

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoa Huệ

Tổng Giám đốc



Mai Hồng Bằng